

Số: 87/2026/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 104/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn*” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị T, sinh năm 2001 - Địa chỉ: Thôn B, xã V, tỉnh Thái Nguyên; Căn cước công dân số: 006301004551

- Bị đơn: Anh Đặng Quốc T1, sinh năm 1997 - Địa chỉ: Thôn B, xã V, tỉnh Thái Nguyên; Căn cước công dân số: 006097002517

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) ; Khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Thị T và anh Đặng Quốc T1
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Triệu Thị T và anh Đặng Quốc T1 thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Hai bên đương sự nhất trí thỏa thuận giao 01 con chung tên Đặng Ngọc Á, sinh ngày 21/12/2019 (con khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho chị Triệu Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đặng Quốc T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng là ngày 05 hàng tháng Dương lịch, kể từ tháng 9/2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. *Về án phí:* Ghi nhận việc chị Triệu Thị T tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung công quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0000637 ngày 17/8/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 8;
- Phòng THADS khu vực 8;
- UBND xã Văn Lang, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

THẨM PHÁN

Võ Thanh Bình